

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 - 6 - 2021

V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Diễm Huyền.

Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L trình bày: Bà L và ông H quen biết nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, không còn hạnh phúc, kể từ

đó hai người không còn chung sống với nhau nữa. Quá trình chung sống hai người có với nhau 01 người con chung là cháu T sinh ngày 28/02/2010 hiện nay đang sống cùng với bà L.

Hiện nay, ông H đang sống và làm ăn tại tỉnh M, địa chỉ cụ thể tại đâu thì bà L không rõ nhưng ông H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đã từ lâu ông H không có về nhà để thăm vợ con và cũng không có gửi tiền bạc gì về để chăm lo cho vợ con.

Ngoài ra, bà L còn có với người chồng trước 01 người con tên S sinh ngày 24/11/2006, đây là con riêng của bà L đã có từ trước khi ông H về chung sống với bà L; khi làm khai sinh cho cháu Trường thì bà L không để tên người chồng trước vào.

Hiện nay, bà L đang sinh sống và buôn bán tại ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng, thu nhập hàng tháng của bà L là khoảng 4.000.000đồng đến 5.000.000đồng. Hàng tháng mẹ bà L là bà K cũng có trích một khoản tiền để bà L nuôi cháu T. Hiện nay, cháu T vẫn hoàn toàn khỏe mạnh và phát triển đầy đủ.

Mâu thuẫn giữa bà L và ông H chỉ là vấn đề nội bộ trong gia đình nên bà L trước nay không có báo với Ban nhân dân ấp, Công an xã hoặc Ủy ban nhân dân xã can thiệp, cũng không có ai biết về mâu thuẫn giữa hai người.

Nay bà L nhận thấy việc chung sống như vợ chồng không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà L và ông H là vợ chồng.

- Về con chung: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết giao người con chung là cháu T sinh ngày 28/02/2010 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà L bận rất nhiều công việc không có thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng được nên bà L xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể cả tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Trong vụ án này, mọi vấn đề có liên quan bà L đã trình bày đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án, ngoài ra bà L không có ý kiến gì khác và cam kết không khiếu nại gì về sau.

- *Bị đơn ông H:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Tại biên bản lấy lời khai con chung ngày 20/4/2021, cháu T trình bày:* Bà L và ông H là cha mẹ ruột của cháu T. Hiện nay, cháu T đang sống với bà L ở ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. Nếu bà L và ông H ly hôn hoặc Tòa án giải quyết không công nhận bà L và ông H là vợ chồng thì nguyện vọng của cháu T

được sống chung với mẹ là bà L; không yêu cầu cha là ông H phải cấp dưỡng. Ngoài ra, cháu T không còn ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân, bà L yêu cầu không công nhận bà L và ông H là vợ chồng; về con chung, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T sinh ngày 28/02/2010, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung, bà L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là đúng nhưng chưa đầy đủ. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại các khoản 1, 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông H là bị đơn, có địa chỉ thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng: Bà L và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn, sự việc này đã được ông O là Trưởng Ban nhân dân ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác nhận tại nội dung Biên bản xác minh ngày 05/4/2021. Quá trình giải quyết vụ

án, bà L trình bày trong quá trình chung sống giữa bà L và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai người đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2012 cho đến nay, do nhận thấy việc chung sống với nhau như vợ chồng không thể kéo dài nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà L và ông H là vợ chồng. Tại Biên bản lấy khai ngày 20/4/2021, bà K (là mẹ ruột của bà L) xác nhận: Bà L có chồng trước, sau khi chia tay với người chồng trước thì bà L mới chấp nối với ông H và chung sống với ông H như vợ chồng chứ hai bên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà L và ông H có với nhau 01 người con chung là cháu T sinh ngày 28/02/2010. Trước đây bà L và ông H chung sống với nhau tại nhà của bà L ở xã B, do giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vài năm trước ông H đã trở về tỉnh M (quê của ông H) để sinh sống và làm ăn, nhưng ông H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, đã từ lâu ông H không có về nhà để thăm bà L và cháu T và cũng không có gửi tiền bạc gì về để chăm lo cho bà L và cháu T, việc bà L và ông H mâu thuẫn với nhau thì bà Sanh có biết nhưng do đây là chuyện riêng của con nên bà Sanh cũng không can thiệp mà để cho bà L và ông H tự quyết định. Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án có tiến hành triệu tập ông H nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

[5] Như vậy, bà L và ông H là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, đồng thời quan hệ của bà L và ông H không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, việc bà L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà L và ông H là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết không công nhận bà L và ông H là vợ chồng.

[6] Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, bà L và ông H có với nhau 01 người con chung là cháu T sinh ngày 28/02/2010. Hiện nay, cháu T đang sống cùng với bà L và do bà L trực tiếp nuôi dưỡng; bà L có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với bà L; việc tiếp tục giao cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu T và trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T của bà L và giải quyết giao cháu T cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không ai được cản trở ông H thực hiện các quyền này. Ông H không được lạm dụng việc thăm nom cháu T để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T của bà L. Trường hợp ông H có các hành vi này thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu T của ông H. Sau khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, người trực tiếp nuôi con có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi cháu T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Bà L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

1.1. Về quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà L và ông H là vợ chồng.

1.2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Giao người con chung là cháu T sinh ngày 28/02/2010 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không ai được cản trở ông H thực hiện các quyền này. Ông H không được lạm dụng việc thăm nom cháu T để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T của bà L. Trường hợp ông H có các hành vi này thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu T của ông H theo quy định của pháp luật.

- Sau khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, người trực tiếp nuôi cháu T có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi cháu T, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng: Bà L trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0009753, ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B; UBND xã B1 (02);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt